

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 800/2018/DSST.

Ngày: 03/10/2018.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây.
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2017/TLST-DS, ngày 05 tháng 05 năm 2017 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2018/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 235/2018/QĐHPT-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NNPTNN.

Trụ sở: phường TC, quận B, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thiện Thuật, sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền số 741/QĐ-NHNoQ5-TH ngày 29/8/2017) (Có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Lê AT, sinh năm: 1972 (Vắng mặt);
2. Bà Trịnh TT, sinh năm: 1975 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Thiện Thuật trình bày:

Ngày 07/4/2014 Ngân hàng NNPTNN (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 6222- LAV-2014 00269 với ông Lê AT và bà Trịnh TT vay số tiền 490.000.000đ (Bốn trăm chín mươi triệu đồng chẵn) để bù đắp chi phí mua xe ô tô với thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ như sau: Thời hạn cho vay: 60 tháng, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng/ 1lần, trả lãi hàng tháng vào ngày 05, lãi suất cho vay tại thời điểm tín dụng là 12%/ năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông AT bà TT đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201400216 ngày 07/4/2014. Theo đó, ông AT và bà TT thế chấp chiếc xe ô tô bán tải Toyota, model Hilux G, 5 chỗ, mới 100%, năm sản xuất 2013;

biển số 51C-389.68; số khung MR0FZ29G-502535116; số máy 1KDU468752; Trường hợp nếu ông AT và bà TT không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi chiếc xe trên để thu hồi nợ.

Đến ngày 01/02/2016, Ngân hàng đã giảm lãi xuống 10%/ năm đối với đồng tín dụng này. Trong quá trình thực hiện đồng, ông AT bà TT đã trả được gốc là 98.000.000 (Chín mươi tám triệu) đồng, còn nợ gốc là 392.000.000 (Ba trăm chín mươi hai triệu) đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 05/5/2016, thì ông AT bà TT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không thanh toán nợ gốc và lãi) mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Do đó, từ ngày 06/5/2016, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ của ông AT bà TT sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 03/10/2018, ông AT bà TT còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Vốn gốc: 392.000.000 (Ba trăm chín mươi hai triệu) đồng.

Lãi trong hạn (Số ngày trong hạn 910 ngày; lãi suất trong hạn: 10%/năm): 99.088.889 (Chín mươi chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Lãi quá hạn (Số ngày quá hạn 881 ngày; lãi suất quá hạn: 5%/năm): 47.965.556 (Bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu) đồng.

Tổng lãi suất: 147.054.444 (Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc: Ông AT bà TT phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (Lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn): 539.054.444 (Năm trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả dứt nợ. Trong trường hợp nếu ông AT và bà TT không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi chiếc xe trên để thu hồi nợ theo luật Thi hành án dân sự.

Ông AT bà TT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Thuật không có ý kiến nào khác.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông AT, bà TT nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng NNPTNN và ông Lê AT, bà Trịnh TT là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Ông AT và TT hiện đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số: 02/2017/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2017; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập ngày 15/8/2017 và ngày 29/6/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông AT, bà TT nhưng ông AT bà TT vắng mặt, không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm a; b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của các đương sự: Việc Ngân hàng cho ông Lê AT và bà Trịnh TT vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 6222- LAV-2014 00269 ngày 07/4/2014 là có thật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không trả tiền nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện vì vậy bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 281, 305 Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004. Ngày 07/4/2014 hai bên tiến hành ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201400216 do các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia, ký kết thể hiện ý chí của các bên; về hình thức và nội dung của các hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã được công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với Điều 355 Bộ luật dân sự. Do đó, xét nguyên đơn yêu cầu ông AT bà TT phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (Lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn: 539.054.444 (Năm trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả dứt nợ và trong trường hợp nếu ông AT và bà TT không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền phát mãi chiếc xe trên để thu hồi nợ theo luật Thi hành án dân sự là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí: Ông Lê AT và bà Trịnh TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng NNPTNN số tiền 10.235.711 (Mười triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm mười một) đồng án phí sơ thẩm tạm nộp theo biên lai thu số 0011912 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 116; 117; 275; 280; 299; 317; 318; 319; 320; 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Buộc ông Lê AT, bà Trịnh TT phải trả cho Ngân hàng NNPTNN số tiền (Lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn) là 539.054.444 (Năm trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 ông Lê AT, bà Trịnh TT vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp ông Lê AT, bà Trịnh TT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản sau đây để thu hồi nợ: chiếc xe ô tô bán tải Toyota, model Hilux G, 5 chỗ, mới 100%, năm sản xuất 2013; biển số 51C-389.68; số khung MR0FZ29G-502535116; số máy 1KDU468752;

2. Về án phí: Ông Lê AT, bà Trịnh TT phải chịu 25.562.177 (Hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn một trăm bảy mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng NNPTNN số tiền 10.235.711 (Mười triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm mười một) đồng án phí sơ thẩm tạm nộp theo biên lai thu số 0011912 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hồng Vân

Kính chuyển Chánh án cho đăng
CVP Trương Hữu Hạnh
Duyệt của Chánh án:



Trương Việt Hồng